TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2025/QĐST-KDTM.	*Đông Á, ngày 07 tháng 03 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ:

- Điều 91, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm";

- Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí và lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết;

- Luật Thi hành án dân sự 2014;

- Biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự đã thực sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 79/2024/TLST-KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1); Địa chỉ trụ sở chính: Số B, đường N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Chi nhánh Đ, số E, Tổ D, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Bà Nguyễn Đức thạch D - Tổng Giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Đức B - Giám đốc chi nhánh Đ (*Văn bản uỷ quyền số 3254/QSS-PC ngày 25/12/2023*).

- *Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng*: Ông Vi Văn H - Trưởng phòng kiểm soát rủi ro chi nhánh Đ *(Theo Giấy ủy quyền số 03/2025/GUQ-CNĐA ngày 02/01/2025).*

2. Bị đơn: Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 và ông Đinh Thế D1, sinh năm 1981 (*Là chồng bà N*); Cùng địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tạm tính đến ngày 26 tháng 02 năm 2025, hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị N, ông Đinh Thế D1 còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1) các khoản tiền theo: Hợp đồng tín dụng số 202327181559 ngày 02/08/2023, có Giấy nhận nợ số 01 ngày 03/08/2023; Hợp đồng tín dụng số 202226695249/2023 ngày 02/08/2023, có Giấy nhận nợ số 02 ngày 15/01/2024 và Giấy nhận nợ số 03 ngày 02/04/2024; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/09/2022 cấp cho bà Nguyễn Thị N và khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26/06/2021 cấp cho ông Đinh Thế D1 là: 1.672.843.551đ (Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm bẩy mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm năm mươi mốt đồng). Trong đó:

+ Vốn gốc vay (03 giấy nhận nợ số 01+02+03) là : 1.407.668.879 đồng
+ Nợ lãi trong hạn (03 giấy nhận nợ số 01+02+03) là : 57.876.139 đồng
+ Nợ lãi quá hạn (03 giấy nhận nợ số 01+02+03) là : 37.805.707 đồng
+ Lãi phạt chậm trả (03 giấy nhận nợ số 01+02+03) là: 1.479.473 đồng
→ Tổng nợ (03 giấy nhận nợ số 01+02+03) là : 1.504.830.198 đồng

- Thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thị N là: 118.915.958đ (Nợ gốc là: 109.456.274 đồng; Nợ lãi là: 9.459.684 đồng).

- Thẻ tín dụng của ông Đinh Thế D1 là: 49.097.395đ (Nợ gốc là: 49.097.395 đồng; Nợ lãi là: 0 đồng).

2.2. Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị N, ông Đinh Thế D1 thanh toán các khoản tiền nợ trên cho S1 làm 12 kỳ như sau:

+ Kỳ trả nợ thứ nhất: Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 03/2025, trả 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), được trừ vào nợ gốc.

+ Kỳ trả nợ thứ hai: Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 04/2025, trả 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), được trừ vào nợ gốc.

+ Kỳ trả nợ thứ ba: Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 05/2025, trả 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), được trừ vào nợ gốc.

+ Kỳ trả nợ thứ tư: Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 06/2025, trả 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), được trừ vào nợ gốc.

+ Kỳ trả nợ thứ năm: Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 07/2025, trả 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), được trừ vào nợ gốc.

+ Kỳ trả nợ thứ sáu: Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 08/2025, trả 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), được trừ vào nợ gốc.

+ Kỳ trả nợ thứ bẩy: Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 09/2025, trả 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), được trừ vào nợ gốc.

+ Kỳ trả nợ thứ tám: Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 10/2025, trả 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), được trừ vào nợ gốc.

+ Kỳ trả nợ thứ chín: Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 11/2025, trả 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), được trừ vào nợ gốc.

+ Kỳ trả nợ thứ mười: Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 12/2025, trả 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), được trừ vào nợ gốc.

+ Kỳ trả nợ thứ mười một: Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 01/2026, trả 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), được trừ vào nợ gốc.

+ Kỳ trả nợ thứ mười hai: Từ ngày 25 đến ngày 28 tháng 02/2026, trả toàn bộ khoản nợ gốc còn lại là: 145.682.232đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm ba mươi hai đồng và nợ lãi quá hạn là: 97.161.319đ (Chín mươi bẩy triệu, một trăm sáu mươi mốt ngàn, ba trăm mười chín đồng).

2.3. Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị N, ông Đinh Thế D1 phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn theo thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng/Giấy nhận nợ/Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kể từ ngày 27/02/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ tại S1.

2.4. Trường hợp hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị N, ông Đinh Thế D1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì S1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có tại thửa đất số 790-1, tờ bản đồ số 26 (Nay là thửa số 14, tờ bản đồ số 77), thuộc địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB545175 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/06/2010 mang tên ông Đinh Thế D1, bà Nguyễn Thị N.

2.5. Trường hợp sau khi bán tài sản đảm bảo mà không bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí Toà án, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì bên được cấp tín dụng có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

2.6. Về án phí: 62.185.306đ (Sáu mươi hai triệu, một trăm tám mươi lăm ngàn, ba trăm linh sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được miễn giảm ½ = 31.092.653đ (Ba mươi mốt triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, sáu trăm năm mươi ba đồng), còn lại ½ = 31.092.653đ (Ba mươi mốt triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, sáu trăm

năm mươi ba đồng), do H1 kinh doanh bà Nguyễn Thị N và ông Đinh Thế D1 phải nộp cả vào ngân sách Nhà nước.

3. H2 lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1) 30.250.500đ (Ba mươi triệu, hai trăm năm mươi ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0071753 ngày 20/12/2024, do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội trả.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Quyết định thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- TANDTP.Hà Nội;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Lân